

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**Số: 77/2004/TT-BTC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2004**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính,  
giảm ngân dự án giảm nghèo khu vực miền trung**

*Căn cứ Hiệp định khoản vay số 1883 -VIE(SF) ngày 02/04/2002 ký kết giữa nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cho Dự án Giảm nghèo khu vực Miền Trung;*

*Căn cứ Thoả thuận Tài trợ được ký ngày 04/5/2004 giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB về khoản viện trợ không hoàn lại của Cơ quan Phát triển Quốc Tế Vương Quốc Anh DFID;  
Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 4/5/2001 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA;*

*Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý Đầu tư và Xây dựng; Nghị định 12/2000/NĐ-CP ngày 05/05/2000 và Nghị định số 07/NĐ-CP ngày 30/1/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999;*

*Căn cứ Công văn số 1001/CP-QHQT ngày 6/11/2001 của Chính phủ phê duyệt Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi Dự án Giảm nghèo khu vực miền Trung;*

*Thông tư liên tịch số 666/2001/TTLT/BKH-UBDTMN-TC-XD ngày 23/8/2001 hướng dẫn quản lý đầu tư và xây dựng công trình hạ tầng thuộc Chương trình 135;*

*Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-UB ngày 5/8/2002 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt dự án Giảm nghèo tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 515/QĐ-UB ngày 30/7/2002 của Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Kon Tum phê duyệt dự án Giảm nghèo tỉnh KonTum; Quyết định số 1285/QĐ-UB ngày 19/6/2002 của UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt dự án Giảm nghèo tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2189/QĐ-UB ngày 28/8/2002 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt dự án Giảm nghèo tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc dự án Giảm nghèo Khu vực miền Trung do ADB tài trợ.*

*Để đảm bảo sự thống nhất trong việc quản lý tài chính của Dự án theo mô hình phân cấp, sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, tài*

*chính cho Dự án Giảm nghèo khu vực miền Trung như sau:*

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

Giải thích từ ngữ

Các khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong Thông tư này có cùng ý nghĩa như trong Hiệp định Vay và được hiểu như sau:

Tổ chức tài chính quốc tế tài trợ cho Dự án là Ngân hàng Phát triển Châu Á (viết tắt là ADB) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (viết tắt là DFID).

Hiệp định Vay là Hiệp định tín dụng ký giữa Việt Nam và ADB thoả thuận về việc ADB tài trợ cho Việt Nam (Bên vay) một khoản vay bằng nhiều đồng tiền khác nhau tương đương với 34.058.000 SDR để đầu tư cho Dự án.

Thoả thuận Tài trợ là bản Thoả thuận được ký ngày 04/5/2004 giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB về khoản viện trợ không hoàn lại do Cơ quan Phát triển Vương Quốc Anh DFID uỷ thác tài trợ cho Dự án Giảm nghèo khu vực Miền Trung.

Dự án là Dự án Giảm nghèo khu vực Miền Trung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 1001/CP-QHQT ngày 6/11/2001.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan điều phối tổng thể dự án, chịu trách nhiệm về việc triển khai thực hiện dự án có hiệu quả theo đúng các mục tiêu được phê duyệt..

Các tỉnh tham gia dự án gồm: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, KonTum. UBND các tỉnh là chủ dự án giảm nghèo tỉnh, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

Văn phòng dự án Trung ương (viết tắt là VPDATW) trực thuộc Vụ Kinh tế Địa phương và Lãnh thổ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, được thành lập theo quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chịu trách nhiệm tổ chức, điều phối dự án .

Ban quản lý dự án Giảm nghèo tỉnh (viết tắt là BQLDA tỉnh) trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia dự án, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án tại địa bàn tỉnh.

Nhóm Hỗ trợ Kỹ thuật Huyện do UBND tỉnh quyết định thành lập nhằm giúp BQLDA tỉnh triển khai dự án trên địa bàn Huyện và trợ giúp về kỹ thuật cho các Ban quản lý dự án xã.

Ban quản lý dự án xã (viết tắt là BQLDA xã) là đơn vị được thành lập theo quyết định của UBND huyện theo sự uỷ quyền của UBND tỉnh và có sự thoả thuận với BQLDA tỉnh, để tổ chức thực hiện các tiểu dự án xã và các hoạt động khác của dự án trên địa bàn xã theo phân cấp trong dự án .

Ban Giám sát xã (viết tắt là BGS xã) do UBND huyện thành lập trên cơ sở đề nghị của HĐND xã, nhằm thực hiện giám sát hoạt động thực hiện dự án trên địa bàn xã.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (NHNN&PTNT) có 2 chức năng là :

Làm ngân hàng phục vụ dự án đối với VPDATW và BQLDA tỉnh;

Làm ngân hàng thực hiện tiểu hợp phần Tài chính vi mô (tín dụng quy mô nhỏ) thông qua Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Trung (VPĐDKVMT-NHNoN) trực thuộc NHNN&PTNT, có trụ sở tại Đà Nẵng;

Ngân hàng Công thương Việt Nam (chi nhánh ở Đà Nẵng) là ngân hàng phục vụ cho hoạt động của Tiểu hợp phần tài chính vi mô do VPĐDKVMT-NHNoN thực hiện.

## 2. Nguyên tắc quản lý

2.1. Dự án Giảm nghèo khu vực miền Trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN), bao gồm: vốn vay ADB, vốn viện trợ của DFID và vốn đối ứng ngân sách trung ương cấp cho VPDATW , vốn đối ứng ngân sách tỉnh cấp cho các hoạt động dự án thực hiện tại các tỉnh; vốn đóng góp của người dân thuộc vùng dự án .

2.2. Việc quản lý, sử dụng vốn vay ADB, vốn viện trợ của DFID và vốn đối ứng (nguồn vốn XDCB) thực hiện theo Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành của Nhà nước, phù hợp với các quy định trong Hiệp định Vay và các quy định tại Thông tư này.

2.3. VPDATW chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu và thực hiện các thủ tục rút vốn ADB, DFID và vốn đối ứng thanh toán cho phần hoạt động của dự án do VPDATW thực hiện; tổng hợp tình hình thực hiện, rút vốn của toàn dự án do các BQLDA tỉnh và VPĐDKVMT-NHNoN báo cáo để cung cấp cho ADB và báo cáo Chính phủ Việt Nam .

2.4. Các BQLDA tỉnh, VPĐDKVMT-NHNoN chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục rút vốn ADB, DFID và vốn đối ứng, quản lý chi tiêu, thanh toán các hoạt động của Dự án và tổng hợp báo cáo Bộ KH&ĐT (VPDATW), Bộ Tài chính .

2.5. VPDATW, BQLDA tỉnh, VPĐDKVMT-NHNoN, BQLDA xã chịu trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng và đúng nội dung dự án được duyệt phù hợp với quy định hiện hành của Việt Nam và Hiệp định Vay.

2.6. Nguồn vốn đối ứng cho hoạt động dự án tại 4 tỉnh được bố trí trong ngân sách các tỉnh tham gia dự án hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác.

2.7. Kho bạc Nhà nước Trung ương ( KBNN Trung ương) và Kho bạc Nhà nước các tỉnh, huyện tham gia dự án thực hiện kiểm soát thanh toán vốn của dự án theo quy định hiện hành về kiểm soát thanh toán vốn ngân sách nhà nước. Xác nhận của Kho bạc Nhà nước các cấp trên các giấy đề nghị tạm ứng, phiếu giá thanh toán khối lượng/hoặc bảng kê thanh toán, sau đây viết tắt là “Phiếu giá” phải xác định rõ số vốn đối

ứng từng cấp ngân sách và vốn ADB hoặc vốn DFID theo đúng tỷ lệ tài trợ đã được quy định trong Hiệp định Vay hoặc Thỏa thuận Tài trợ. Phiếu giá có xác nhận của Kho bạc Nhà nước là chứng từ bắt buộc trong hồ sơ rút vốn ADB, DFID và thanh toán phần vốn đối ứng từ ngân sách.

2.8. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (NHNN&PTNT) và Ngân hàng Công thương Việt Nam (chi nhánh Đà Nẵng) thực hiện các thủ tục rút vốn và thanh toán nguồn vốn ADB/DFID theo các quy định tại Thông tư này sẽ được hưởng mức phí dịch vụ phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phí dịch vụ thanh toán qua ngân hàng. Các khoản phí dịch vụ trên sẽ được trả từ khoản lãi phát sinh trên số dư của Tài khoản tạm ứng và được tính vào tổng mức đầu tư của Dự án. Trường hợp lãi phát sinh trên Tài khoản tạm ứng không đủ hoặc không có Tài khoản tạm ứng (đối với VPDATU), phần còn thiếu sẽ được thanh toán bằng nguồn vốn đối ứng của dự án. Lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng được hạch toán theo dõi riêng hàng tháng. Khi kết thúc dự án, số dư lãi phát sinh trên Tài khoản tạm ứng sẽ được chuyển trả ngân sách Nhà nước vào số tài khoản theo chỉ dẫn của Bộ Tài chính.

## **II. CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **1. Lập kế hoạch và thông báo kế hoạch vốn đầu tư**

VPDATW hướng dẫn các BQLDA tỉnh trong việc lập kế hoạch tài chính hàng năm của dự án bao gồm các nguồn vốn của ADB, DFID, vốn đối ứng của ngân sách địa phương và phần đóng góp của người dân theo quy định; tổng hợp kế hoạch tài chính hàng năm của toàn dự án để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và ADB.

1.1. Giữa tháng 6 hàng năm, BQLDA xã lập kế hoạch tài chính năm tiếp theo của dự án thuộc phạm vi xã gửi BQLDA tỉnh. Sau đó, BQLDA tỉnh tổng hợp và lập kế hoạch tài chính năm tiếp theo của dự án thuộc phạm vi tỉnh, phù hợp với kế hoạch thực hiện dự án (gồm cả chi phí hoạt động của BQLDA tỉnh, BQLDA xã, BGS xã và nhóm HTKT huyện). Kế hoạch tài chính này được gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chậm nhất vào ngày 20 tháng 7 hàng năm trước năm kế hoạch.

1.2. VPĐDKVMT-NHNoN lập kế hoạch thực hiện Hợp phần tài chính vi mô (gồm kế hoạch rút vốn ngoài nước và nguồn vốn đối ứng của Ngân hàng NN&PTNT tự bố trí theo quy định của Dự án ở từng tỉnh tham gia Dự án) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (VPDATW), Bộ Tài Chính, các BQLDA tỉnh để theo dõi việc thực hiện Hợp phần tài chính vi mô.

1.3. VPDATW lập kế hoạch tài chính cho các hoạt động của dự án do VPDATW thực hiện, đồng thời tổng hợp kế hoạch tài chính của toàn dự án để gửi ADB, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

1.4. Nội dung kế hoạch tài chính phải thể hiện đầy đủ các nguồn vốn của dự án gồm vốn vay ADB, vốn viện trợ không hoàn lại của DFID, phần đóng góp của người hưởng lợi, vốn đối ứng và chi tiết theo hạng

mục công việc, đồng thời kèm theo thuyết minh nội dung/diễn giải kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch công việc chi tiết của dự án.

Kế hoạch tài chính của Dự án cấp tỉnh sẽ được tổng hợp vào Kế hoạch ngân sách chung của tỉnh để trình Chính phủ, Quốc hội phê duyệt theo quy định hiện hành. Kế hoạch tài chính thực hiện Dự án của VPDATW được tổng hợp vào kế hoạch ngân sách của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Chính phủ, Quốc hội phê duyệt theo quy định hiện hành.

1.5. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch ngân sách hàng năm chung của tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ vốn cho từng dự án do tỉnh quản lý để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ra nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn cho Dự án, bao gồm cả phần vốn đối ứng, phần đóng góp của người dân, vốn vay ADB và vốn viện trợ không hoàn lại của DFID. Căn cứ nghị quyết của HĐND, UBND tỉnh ra quyết định phân bổ kế hoạch và chỉ đạo Sở Tài chính kiểm tra, thông báo kế hoạch thanh toán vốn (chi tiết cho từng đơn vị) của Dự án cho KBNN tỉnh để làm căn cứ thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn trong năm kế hoạch.

Quyết định phân bổ kế hoạch vốn của UBND tỉnh được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp theo dõi đánh giá tình hình thực hiện Dự án.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ra quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn vốn đối ứng và nguồn vốn vay ADB, cho các hoạt động do VPDATW thực hiện. Căn cứ kế hoạch vốn được giao cho VPDATW, Bộ Tài chính kiểm tra tính hợp lệ của kế hoạch vốn và thông báo sang KBNNTW để thực hiện việc kiểm soát thanh toán trong năm kế hoạch.

1.6. Căn cứ kế hoạch tài chính của Dự án đã được thông báo, BQLDA tỉnh, BQLDA xã tổ chức thực hiện kế hoạch vốn đầu tư và lập kế hoạch chi tiêu hàng quý gửi tới KBNN nơi giao dịch; VPDATW lập kế hoạch chi tiêu cả năm gửi Kho bạc Nhà nước (nơi giao dịch) để thực hiện dự án trong năm.

## 2. Tài khoản tạm ứng và tài khoản vốn đối ứng

2.1. VPDATW mở 01 tài khoản vốn đối ứng bằng Đồng Việt Nam tại KBNN Trung ương để tiếp nhận và thanh toán phần vốn đối ứng do ngân sách Trung ương cấp cho Dự án.

2.2. BQLDA tỉnh mở các tài khoản sau

Một tài khoản tạm ứng bằng Đôla Mỹ tại chi nhánh NHNN&PTNT tỉnh để tiếp nhận vốn tạm ứng của ADB.

Một tài khoản tạm ứng bằng Đôla Mỹ tại chi nhánh NHNN&PTNT tỉnh để tiếp nhận vốn tạm ứng nguồn viện trợ không hoàn lại của DFID cho hoạt động dự án ở tỉnh.

Một tài khoản vốn đối ứng bằng Đồng Việt Nam tại KBNN tỉnh để tiếp nhận và thanh toán vốn đối ứng của ngân sách tỉnh cấp cho dự án.